TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 07-8-2020.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Trần Phúc;

Ông Nguyễn Văn Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố 5, phường 3, Tp. TN, tỉnh Tây Ninh. Đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Huỳnh Văn Ân, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 02-12-2019.(có mặt)

Bị đơn: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp CX, xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày03 tháng 12 năm 2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T trình bày:

Do quen biết với nhau nên ngày 04-6-2016, bà T có cho ông M vay số tiền 280.000.000 đồng, khi vay ông M có viết giấy nợ và ký tên vay, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng.

Sau khi đến hạn ông M không trả nợ gốc nhưng do quen biết nên ông M vẫn đóng lãi góp hàng tháng nên bà T tiếp tục cho ông M vay. Từ khi vay cho đến 08-8-2018, ông M có trả góp cho bà T nhiều lần tiền lãi, tổng cộng là 51.000.000 đồng. Số tiền lãi ông M đã trả tổng cộng 51.000.000 đồng này ít hơn so với số tiền lãi ông M phải trả cho bà T từ khi vay đến tháng 08-2018, nhưng bà T không yêu cầu tính lãi lại.

Từ tháng 08-8-2018 cho đến nay ông M không trả nợ gốc và lãi cho bà T. Nay bà T yêu cầu ông M trả cho bà T số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi cho bà T theo quy định pháp luật. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T yêu cầu ông M phải trả tiền lãi theo mức 2%/tháng từ tháng 08-2018 cho đến ngày 04-5-2020. Nhưng tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu ông M chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản theo quy định là 0,83%/ tháng cho đến ngày xét xử.

Bà T chỉ yêu cầu một mình ông M trả nợ, không yêu cầu vợ ông M cùng trả nợ cho bà T.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ vay là 280.000.000 đồng và lãi suất theo mức lãi suất cơ bản là 0,83%/tháng từ ngày 09-8-2018 cho đến ngày 07-8-2020.

Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát và kết quả trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Nguyễn Văn M vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bà T cung cấp cho Tòa án 01 giấy nhận nợ ngày 04-6-2016 do ông Nguyễn Văn M ký và viết tên phía dưới số tiền nợ với nội dung là còn nợ bà T 280.000.000 đồng. Phía dưới có ghi phần trả lãi từ 16-7-2016 đến 08-8-2018, cho bà T tổng cộng là 51.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện thì bà T yêu cầu ông M trả tổng cộng số tiền gốc và lãi, tổng cộng là 452.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T rút lại một phần yêu cầu. Tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu ông M trả số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi suất từ 09-8-2018 đến 07-8-2020 với mức lãi suất cơ bản là 0,83%/tháng, tương đương số tiền lãi là 55.621.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 335.621.000 đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông M biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng với các tài liệu chứng cứ chứng M nhưng ông M vắng mặt không có lý do và không có ý kiến cũng như không phản đối những yêu cầu, tình tiết, tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông M đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào các Điều 463,

466 và Điều 468 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi suất từ 09-8-2018 đến ngày 07-8-2020 với mức lãi 0,83%/tháng là 55.621.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 335.621.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Ghi nhận bà T chỉ yêu cầu ông M trả nợ và không yêu cầu vợ ông M cùng trả nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ phải trả là 335.621.000 đồng x 5% = 16.781.000 đồng theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Do yêu cầu của bà T được Tóa án chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T 11.040.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Văn M.

Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 335.621.000 (Ba trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn) đồng. Trong đó nợ gốc là 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng và lãi suất là 55.621.000 (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.781.000 (Mười sáu triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn) đồng.

Chi cục Thi hánh án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.040.000 (Mười một triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006507 ngày 09-12-2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND H. CT;
- THADS H. CT;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Hùng